

CÁC MẪU HÌNH CỦA LỊCH SỬ

FRANCIS FUKUYAMA ^(*). **The Patterns of history.** *Journal of Democracy*. Vol. 23, No. 1, January, 2012.

HƯƠNG TIẾN
dịch

Bài viết này mở đầu với một giả thuyết khá đơn giản. Để có thể hiểu được bản chất của nền dân chủ ở Đông Á, trước hết chúng ta cần phải nắm được bản chất của chính phủ độc tài trong khu vực này. Những vấn đề đương thời của nền dân chủ và khả năng giải quyết những thách thức trong tương lai sẽ không thể được giải đáp, trừ khi chúng ta xét chúng trong bối cảnh của một khu vực, nơi mà đất nước lớn mạnh nhất - Trung Quốc, đang sở hữu một chế độ độc tài phát triển nhanh chóng và khá thành công. Trong bài viết này, tôi không xem thách thức đó như là vấn đề của các chính sách ngoại giao, mặc dù tôi nghĩ rằng thoả hiệp một đất nước đang phát triển như Trung Quốc không phải là vấn đề đơn giản cho quốc tế. Hơn nữa, nó còn phụ thuộc vào các mô hình phát triển của các quốc gia. Nền dân chủ ở Đông Á được đánh giá không chỉ dựa trên những so sánh với các chế độ độc tài ở châu Phi hay Trung Đông, mà còn với cả Trung Quốc. Bởi thế mà chúng ta cần phải tìm hiểu mô hình của Trung Quốc – cả ưu, nhược điểm – như việc mở đầu cho những bàn luận về

tương lai của nền dân chủ ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và các quốc gia khác.

So với một hệ thống từ vựng phong phú mà chúng ta đang sở hữu, dùng để phân loại các chế độ dân chủ, thì lĩnh vực chính trị học so sánh lại chưa phát triển một khuôn khổ đầy đủ các khái niệm để phân loại và hiểu rõ các hình thức khác nhau của chính phủ độc tài. Nói cách khác, chúng ta đang thiếu ngôn ngữ để diễn đạt được trạng thái, sự biến đổi của các cơ quan luật pháp và trách nhiệm giải trình. Ta cần lấp đầy lỗ hổng đó và tìm hiểu xem các đặc tính cụ thể của chính phủ Đông Á đã vượt ra khỏi đường lối phát triển được định trước bởi lịch sử mà trước đó khu vực này luôn tuân theo như thế nào. Có rất nhiều điểm tương đồng giữa các chế độ dân chủ và phi dân chủ ở Đông Á, cũng như giữa các chế độ dân chủ ở khu vực này và nhiều khu vực khác. Chính điều

^(*) GS. Chính trị học, Trung tâm nghiên cứu các vấn đề về Dân chủ, Phát triển và Pháp quyền, Đại học Stanford.

này đã tạo ra cả lợi thế và khó khăn cho tương lai của sự phát triển dân chủ trong khu vực.

Những nhà nước nòng cốt của Đông Á – Trung Quốc (bao gồm cả Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và Đài Loan), Nhật Bản, Hàn Quốc – đã phát triển những chế độ phong kiến tập quyền có tiếng trong lịch sử của họ và thống nhất được những bản sắc dân tộc tương đồng trên một phần của các quần thể dân tộc đồng nhất hàng thế kỷ, trước khi bất kỳ dân tộc nào trong số đó có khả năng phát triển những cơ quan luật pháp và giải trình đối kháng, có thể kiểm soát và cân bằng quyền lực nhà nước. Như tôi đã trình bày rõ trong cuốn “Nguồn gốc của trật tự chính trị”, xã hội đầu tiên phát triển một nhà nước hiện đại theo cách định nghĩa của Max Weber – một nhà nước mà sự tuyển dụng vào làm việc diễn ra hoàn toàn khách quan, bộ máy quan lại thiết lập dựa trên sự tuyển chọn nhân tài, hệ thống hành chính đồng bộ và những điểm tương tự như thế – chính là Trung Quốc, quốc gia đã đạt được thành tựu này từ triều đại nhà Tần vào năm 221 trước công nguyên¹.

Dân chủ tự do hiện đại là sự tổng hoà của bộ ba tổ chức: *bản thân Nhà nước*; *Pháp quyền*, một hệ thống các quy tắc xã hội được xem như ràng buộc về hành động của các nhà cầm quyền thực tế; và *Cơ chế trách nhiệm Giải trình*, trong xã hội hiện đại thì đó là những cuộc bầu cử định kỳ đa đảng. Nhà nước tập trung và sử dụng quyền lực để thực thi ý muốn của nhà nước; trong khi trái lại, pháp quyền và các cơ chế trách nhiệm giải trình lại được sử dụng để hạn chế quyền lực của nhà nước. Thành

công của chế độ dân chủ tự do phụ thuộc vào việc đạt được sự thăng bằng giữa hai bên, một bên là quyền lực mạnh mẽ của nhà nước, một bên là sự kiểm soát và cân bằng được tạo bởi các chế độ bầu cử và chế độ luật pháp. Xét từ bất cứ quan điểm nào thì quyền lực nhà nước không được kiểm soát đều là một việc nguy hiểm; đồng thời những nền dân chủ tự do yếu kém và tê liệt đều không thể đem lại kết quả tốt cho người dân.

Đối ngược với các nền văn minh khác trên thế giới, Trung Quốc chưa từng phát triển pháp quyền. Các bộ luật của triều đại nhà Tần, nhà Hán, nhà Tùy, nhà Đường và nhà Minh đều thuộc loại luật nhân định, mọi quyết định ban hành đều nằm trong tay Hoàng đế. Có lẽ cũng không cần phải nói thêm về việc Trung Quốc cũng thất bại trong việc thành lập những cơ quan trách nhiệm giải trình chính thức. Ở châu Âu, quyền lực nhà nước trước hết bị hạn chế bởi sự ra đời sớm của pháp luật và sau đó bởi khả năng của một số nhân tố xã hội ngoại bang trong việc chống lại quyền lực nhà nước và trói buộc nhà nước vào một thoả hiệp hiến pháp. Việc sớm củng cố một nhà nước hiện đại cho phép chính phủ Trung Quốc qua nhiều thế kỷ đã ngăn chặn được sự xuất hiện tự phát của các nhân tố xã hội mới có thể gây ảnh hưởng tới quyền lực nhà nước, chẳng hạn như tầng lớp thuộc dòng dõi quý tộc, thị dân buôn bán, các thành phố độc lập, các tổ chức tôn giáo, hay giai cấp nông dân có tổ chức.

Chế độ quản lý này của Trung Quốc đã thiết lập một khuôn mẫu cho các quốc gia còn lại ở Đông Á. Nhật Bản, Hàn Quốc, và sau đó là các chính thể

trong khu vực Đông Nam Á dưới sự ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, kế thừa những truyền thống Nho giáo của nhà nước tập quyền và bộ máy quan lại trọng nhân tài. Toàn bộ các nhà nước truyền thống ở Đông Á đều bị phá vỡ, thay đổi và thay thế trong quá trình đối đầu với các nước phương Tây. Tuy vậy, trong nửa sau thế kỷ XX, một cơ quan hành pháp được thể chế hoá và đầy quyền lực đã xuất hiện trở lại tại hầu hết các quốc gia.

Không giống như nhiều nền dân chủ mới ở các khu vực khác trên thế giới, nơi mà nhà nước thể hiện sự yếu kém và thiếu năng lực trong việc thiết lập pháp quyền và các cơ quan trách nhiệm giải trình, các nền dân chủ ở Đông Á có thể giả định sự tồn tại của một nhà nước mạnh mẽ và thống nhất. Vấn đề của sự phát triển dân chủ phần nhiều thuộc về xã hội. Đa phần các xã hội Đông Á thiếu những nhóm xã hội đã được thể chế hoá và hoạt động mạnh mẽ để có thể hạn chế quyền lực nhà nước một cách hiệu quả, cũng như một nền văn hoá chính trị hợp pháp hoá những cuộc biểu tình xã hội và những quan điểm chính trị đối kháng. Với sự ra đời của quá trình công nghiệp hoá, những nhân tố xã hội mới như giai cấp tư sản, các tổ chức công đoàn và học sinh sinh viên bắt đầu xuất hiện; và ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan, nhà nước còn được kiểm soát bởi hệ thống quốc tế (dưới sự bảo hộ của quân đội Mỹ). Điều này đã cho phép sự phát triển theo thời gian của những chế độ dân chủ trong đó các nhân tố xã hội bản địa tiếp tục phát triển và có khả năng tự cân bằng nhà nước.

Một loạt các hệ quả quan trọng dẫn tới sự phát triển đương đại bắt nguồn từ

trình tự thể chế đặc biệt này. Đầu tiên và quan trọng nhất, hầu như tất cả những tấm gương gần đây về một nhóm các nước chuyên chế tiến hành hiện đại hoá thành công đều ở Đông Á chứ không phải các khu vực khác trên thế giới. Hong Kong (dưới sự cai trị của Anh), Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan, Thailand và tất nhiên – Trung Quốc, tất cả đều phát triển nhanh chóng trong nửa cuối thế kỷ XX (với riêng trường hợp của Nhật Bản, quá trình này đã bắt đầu sớm hơn một thế kỷ), dưới sự quản lý của chính phủ độc tài ràng buộc lỏng lẻo bởi trách nhiệm giải trình dân chủ. Đối lập với những nhà nước bóc lột xuất hiện ở Trung Đông, Nam Á, Mỹ Latin và đặc biệt là vùng cận Sahara châu Phi, rất nhiều nhà cầm quyền độc tài ở Đông Á đã bảo toàn sự tập trung phát triển, thứ đã tạo ra nền tảng bền vững cho chế độ dân chủ sau này. Đa số những tranh luận ủng hộ chuỗi tăng trưởng kinh tế và luật pháp trước khi mở cửa dân chủ đều dựa trên mô hình của các quốc gia Đông Á.

Một hệ quả thứ hai của mô hình phát triển này là rất nhiều nhà nước Đông Á đã có thể thiết lập những chính sách công nghiệp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế – những chính sách mà nếu rơi vào tay của một nhà nước năng lực kém hơn, sẽ gây ra một mớ hỗn độn chỉ nhằm tìm kiếm đặc lợi và lũng đoạn nhà nước.

Hệ quả cuối cùng đó là chất lượng của nền dân chủ tự do của Đông Á khác với châu Âu, Bắc Mỹ và các khu vực khác ở phương Tây. Nhật Bản là xã hội châu Á đầu tiên thử nghiệm chế độ dân chủ, ban đầu là trong suốt thời kỳ Taisho vào những năm 1920 và sau đó thành

công hơn dưới sự giám hộ của Mỹ sau năm 1951. Nhà xã hội học chính trị Barrington Moore đã từng cho rằng Nhật Bản có thể tiến hành dân chủ hoá thành công bởi cấu trúc xã hội của quốc gia này khác với Trung Quốc và các xã hội nông nghiệp châu Á khác. Giống như ở phương Tây, quyền lực trong suốt thời kỳ Tokugawa (1603-1868) được lan truyền trong tầng lớp quý tộc phong kiến, các cộng đồng làng xã thì sở hữu một mức độ tập thể và tự tổ chức nhất định, điều này ở Trung Quốc không hề có².

Tuy nhiên, ngay cả bây giờ, chế độ dân chủ ở Nhật Bản, qua cả quan sát thông thường và cảm nhận, đều có sự khác biệt với chế độ dân chủ ở châu Âu, hay cụ thể hơn là Hoa Kỳ. Đầu tiên và quan trọng nhất chính là sự thống lĩnh của hệ thống chính trị của Nhà nước Nhật Bản. Có ý kiến đã lưu ý rằng chính các công chức đã liên minh với cộng đồng doanh nghiệp, những người đã chiếm lấy vai trò quyết định chính sách mà đáng lý ra thuộc về nghị viện, cơ quan đứng đầu trong việc đưa ra quyết định³. (Sự thống lĩnh này đã mờ nhạt dần kể từ khi thời kỳ tăng trưởng cao của Nhật Bản chấm dứt vào thời kỳ đầu những năm 1990, giai đoạn phần nào phản ánh sự suy giảm trong thẩm quyền của bộ máy quan liêu). Thứ hai, đảng lãnh đạo (Đảng Dân chủ Tự do) đã nắm quyền ở Nhật Bản trong suốt giai đoạn 1955 – 2009 mà không có bất cứ gián đoạn nào; ngay cả hiện tại, khi đất nước này được dẫn dắt bởi Đảng Dân chủ, khó có thể nói rằng Nhật Bản đã thực hiện quá trình chuyển đổi sang hệ thống hai đảng cầm quyền ổn định với sự thay đổi luân phiên định kỳ giữa chính phủ và phe đối lập. Và cuối cùng,

Nhật Bản chưa từng phát triển một nền văn hoá chính trị đối kháng kiểu phương Tây, trong đó những bất mãn xã hội và nhu cầu giải trình trách nhiệm nhanh chóng chuyển thành các động thái chính trị. Những bất mãn trầm trọng trong dân chúng về trận động đất Tohoku vào hồi tháng 3 năm 2011, về sóng thần, các thảm hoạ hạt nhân, lại có tác động nhỏ một cách bất ngờ tới sự thay đổi trong chính trị.

Tuy nhiên, những nền dân chủ mới hơn ở Đông Á thực ra đều “Tây” hơn ở Nhật Bản: Hàn Quốc, Đài Loan, và Thailand đã trải qua những cuộc chuyển dịch quyền lực dứt khoát, kiên quyết hơn từ chính phủ sang phe đối lập và có một nền văn hoá chính trị đậm chất đối kháng hơn. Dù vậy thì ở Hàn Quốc và Đài Loan, đã có những làn sóng ủng hộ mạnh mẽ hệ thống đơn đảng kiểu Nhật và ở cả hai quốc gia này thì bộ máy quan liêu trung ương đều phát triển rất mạnh mẽ.

Chính phủ độc tài ở Đông Á

Xét từ nhiều khía cạnh, tính hợp pháp và sức lôi cuốn của các nền dân chủ ở Đông Á sẽ phụ thuộc không chỉ vào việc các quốc gia dân chủ trong khu vực này phát triển như thế nào so với quy mô toàn cầu, mà còn nhìn sự phát triển đó trong tương quan với quốc gia độc tài có tầm ảnh hưởng lớn trong khu vực – Trung Quốc. Giống như Singapore trước đây, Trung Quốc là một thách thức to lớn bởi nước này đã có những thành công về mặt kinh tế. Không riêng các quốc gia trong khu vực mà cả những quốc gia khác đều rất muốn sao chép một phần nào đó mô hình của Trung Quốc. Nhưng trước khi chúng ta phê

bình và đánh giá về mô hình này, chúng ta cần phải hiểu được nó. Tuy nhiên, ở đây chúng ta lại phải đối mặt với một khoảng trống lớn về mặt quan niệm.

Lĩnh vực chính trị so sánh đã phát triển một hệ thống từ vựng phong phú để phân loại và phân tích các chế độ cộng hoà dân chủ, phân biệt các đặc điểm thể chế và liên hệ chúng tới các tác động kinh tế và chính trị⁴. Những phân tích về hệ thống phi dân chủ lại không giống như vậy. Một vài nỗ lực gần đây của Steven Levitsky, Lucan Way và Andreas Schedler⁵ nhằm thiết lập các nguyên tắc phân loại chế độ, mở rộng từ dân chủ toàn bộ cho tới độc tài toàn bộ. Những đóng góp chủ yếu của tài liệu này là để lập ra những hạng mục phân loại, chẳng hạn như “độc tài cạnh tranh” hay “độc tài tuyển cử” nhằm mô tả các chế độ có tổ chức bầu cử, nhưng về cơ bản vẫn dưới sự kiểm soát của một nhà lãnh đạo độc tài, chẳng hạn như tổng thống Nga Vladimir Putin hay tổng thống Venezuela Hugo Chávez.

Các tiêu chí được sử dụng để thiết lập hệ thống phân loại đều dựa vào thực tiễn dân chủ tốt nhất, với những độ chênh lệch khác nhau của chế độ độc tài xét từ mức chuẩn này. Quả thực, một trong những kết luận của Levitsky và Way là các tổ chức như Freedom House đã quá hào phóng trong việc xếp hạng các quốc gia là quốc gia dân chủ. Những tiêu chí này chỉ đo lường nguyên chất lượng của các cơ quan liên quan tới pháp quyền và giải trình trách nhiệm. Tuy nhiên, chúng lại không bao gồm những biện pháp đo lường độc lập về chất lượng của nhà nước. Lĩnh vực này tồn tại một sự thiếu hụt lớn các hạng

mục phân tích. Xét trong phạm vi chúng ta đang phân chia từ vựng, hãy trở lại với những thuật ngữ đặt ra bởi Max Weber như “patrimonial” (thân hữu), “prebendal” (xuất phát từ thuật ngữ Prebendalism, được hiểu là chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi), “sultanistic” (thuật ngữ sultanism được nhà xã hội học Max Weber đề xuất, mô tả hình thức cực đoan của nhà nước, trong đó sự cai trị truyền thống tuy có phát triển bộ máy hành pháp và quân đội hiện đại, nhưng lại sử dụng chúng một cách hoàn toàn tùy tiện, chỉ phụ thuộc vào ý thích người đứng đầu), và một số thuật ngữ tương tự; ngoài ra, có một tài liệu mở rộng sự phân biệt giữa độc tài và chuyên chế⁶. Nhiều chỉ số tương tự như WGIs (Worldwide Governance Indicators) – phát triển bởi Viện Ngân hàng thế giới (World Bank Institute, WBI), được đưa ra nhằm đo lường chất lượng của nhà nước theo các chỉ tiêu “hiệu quả chính phủ”, “chất lượng quản lý” và “kiểm soát tham nhũng”. Những chỉ số này, tuy nhiên, lại không phải là những khái niệm được nghiên cứu kỹ lưỡng dựa trên lý thuyết “Nhà nước nên hoạt động như thế nào”; mà thay vào đó, chúng lại là những giả thiết lợi mà các nhà nghiên cứu của WBI đã tổng hợp các chỉ số đo lường quản trị định lượng hiện có. (Điều này là không rõ ràng, ví dụ, tại sao “chất lượng quản lý” không phải là phạm trù con của “hiệu quả chính phủ” mà lại là một chỉ tiêu đo lường độc lập). Cũng không có sự phân chia rành mạch giữa các chỉ số của WBI và hệ thống từ vựng cổ của Weber. Các biện pháp đo lường tham nhũng hiện thời không có sự phân biệt giữa các mối quan hệ bảo trợ (patronclient relationship) trong

phạm vi bộ máy quan liêu và chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, nơi mà chính quyền chỉ đơn thuần chiếm đoạt các tài nguyên công cho mục đích cá nhân mà không hề có bất kỳ một nghĩa vụ chăm lo nào đối với công dân. Chúng ta cũng không có những biện pháp đo lường mức độ để xem rằng chế độ tuyển dụng trong bộ máy nhà nước quan liêu là dựa trên phẩm chất của người đó, hay chỉ là dựa vào quan hệ thân hữu.

Có một khía cạnh sâu xa hơn nữa đó là hệ thống phân loại khái niệm của chúng ta không tính đến những khác biệt quan trọng giữa các chế độ phi dân chủ. Trong chính trị học, Aristotle đã đưa ra một hệ thống phân loại các chế độ dựa trên hai chỉ tiêu: thứ nhất, chế độ này dựa trên nguyên tắc của một, một vài hay nhiều người; và thứ hai, nguyên tắc này dựa trên lợi ích của riêng nhóm cầm quyền hay dựa trên lợi ích chung. Sắp xếp các khía cạnh này lại với nhau đã làm nên hệ thống phân loại chế độ sáu lớp, cho phép Aristotle phân biệt vương quyền - trong đó quy tắc của một người là để phục vụ lợi ích chung, và chuyên chế - nơi quy tắc đề ra chỉ để phục vụ lợi ích cá nhân của bạo chúa⁷.

Theo lẽ thường, đa phần mọi người sẽ tính đến khả năng tồn tại của chế độ độc tài nhân từ. Ví dụ, có sự phân biệt đạo đức rõ ràng giữa Singapore dưới thời cựu thủ tướng Lý Quang Diệu (Lee Kuan Yew) và nguyên tắc bóc lột của Mobutu Sese Seko ở Zaire (nay là Cộng hoà Dân chủ Congo) hay Kim Jong-II ở Bắc Triều Tiên. Tuy nhiên, chính trị học so sánh đương đại lại mất đi một phần lớn sự phân biệt của Aristotle giữa vương quyền và chuyên chế và cũng không có một phương pháp tốt để phân

loại các chế độ phi dân chủ dù cho việc đó sẽ phục vụ cho lợi ích công một cách rộng rãi hơn. Có một điều mà chúng ta phải chấp nhận, đó là việc thừa nhận rằng có một số nhà nước độc tài “có đầu óc phát triển” hay nói cách khác, họ tìm cách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Và quan điểm cho rằng một chế độ phi dân chủ có thể thúc đẩy những lợi ích chung chắc chắn sẽ vượt ra ngoài phạm vi của kinh tế học.

Thuật ngữ “trách nhiệm giải trình” được kết hợp gần như chỉ riêng với thủ tục giải trình – ở đây là việc có hay không có những hệ thống bầu cử đa đảng tự do và công bằng. Ý kiến cho rằng một chế độ, xét theo đúng thủ tục thì là vô trách nhiệm, nhưng vẫn cố gắng ép mình hành động một cách có đạo đức vì lợi ích chung, không còn là một ý kiến nhận được nhiều sự quan tâm trong thời đại ngày nay nữa. Có hai lý do khiến sự thất bại trong việc xác định trách nhiệm giải trình xét về mặt kết quả thực chất chứ không phải thủ tục trở thành vấn đề. Thứ nhất, rõ ràng là rất nhiều chế độ dân chủ giải trình theo đúng thủ tục đang thực hiện bị coi là vô trách nhiệm xét về mặt trị lý (governance) trong thực tế. Cử tri thường thất bại trong việc giữ chân các nhà lãnh đạo có trách nhiệm bởi một số lý do như thông tin nghèo nàn, sự bàng quan thờ ơ, bầu cử mang tính sắc tộc, sự bảo trợ đỡ đầu, hoặc sự lôi kéo vận động bằng cách sử dụng các mảnh khoé. Thực tế chỉ ra rằng ngay cả khi áp dụng các thủ tục dân chủ chính thức, một chế độ cũng chưa chắc đã đạt được những giải trình thực chất.

Vấn đề thứ hai áp dụng riêng cho khu vực Đông Á. Mặc dù các triều đại

Trung Hoa chưa bao giờ phát triển pháp quyền hay cơ chế trách nhiệm giải trình chính thức để hạn chế sự tự do hành pháp, nhưng trách nhiệm giải trình có nội dung và sắc thái đạo đức vẫn là yếu tố trung tâm đối với sự vận hành của toàn hệ thống. Đó chính là cốt lõi của đạo Khổng, của Nho giáo: học thuyết đạo đức được đề ra để dung hoà hành vi của giai cấp thống trị và hướng họ hành động theo lợi ích của giai cấp bị trị. Hệ thống đạo đức này đã được thể chế hoá trong một bộ máy quan lại phức tạp với những nội quy hạn chế nghiêm ngặt mức độ hành động của các hoàng đế, những người mà về mặt lý thuyết là có thẩm quyền vô biên⁸. Một trong số những chức năng quan trọng của bộ máy quan lại đó là dạy học cho các hoàng tử và đảm bảo rằng bất cứ ai được chọn lên nắm ngôi sẽ phải hiểu rõ rằng luật lệ không đơn giản là vấn đề của cá nhân mà đó là việc hoàn thành những trách nhiệm muôn đời của tổ tiên.

Tất nhiên là có rất nhiều lý do để việc giải trình trách nhiệm theo đúng thủ tục được ưa thích hơn là việc giải trình trách nhiệm mang nội dung và sắc thái đạo đức. Vấn đề cơ bản với hình thức giải trình thứ hai liên quan tới việc nắm giữ thông tin. Ngay cả khi hoàng đế nắm quyền là một người anh minh, trong trường hợp vắng đi sự tự do báo chí và những thủ tục chính thức như bầu cử chẳng hạn, thì làm sao ông ta có thể biết được đâu là lợi ích chung? Hơn nữa, nếu không có giải trình trách nhiệm theo đúng thủ tục, làm thế nào để một người có thể đảm bảo vị hoàng đế anh minh sẽ tiếp tục giải trình? Trong triều đại Trung Hoa, điều này đã được biết đến với cái tên “Ngự vương”:

Thi thoảng, một ngự vương xuất hiện và phá bỏ những ranh giới của phong tục tập quán cũng như những đạo lý được chấp nhận, và gây ra những thiệt hại to lớn cho toàn xã hội.

Đánh giá hoạt động của nhà nước

Bài viết này không nhằm đặt ra một khuôn mẫu toàn diện cho việc phân tích tính hiệu quả của nhà nước để lấp đầy những khoảng trống trong các phương pháp hiện có. Một biện pháp toàn vẹn sẽ cực kỳ phức tạp và có thể còn phải xét theo từng ngành chuyên biệt, bởi với đa phần nhà nước, một số bộ ngành, cơ quan này lại ở cấp cao hơn các bộ ngành, cơ quan khác. Tuy nhiên, chúng ta sẽ bắt đầu bằng việc sử dụng ba hạng mục phân loại về tính chất hiện đại của nhà nước như là điểm khởi đầu để phân tích chính phủ độc tài của Trung Quốc. Ba nhóm này là “thể chế hoá” (institutionalization), “sự tuyển dụng” (recruitment) và “mức độ đáp ứng” (responsiveness).

Thể chế hoá (Institutionalization): Trong khi xem xét khía cạnh “thể chế hoá”, tôi không nhìn nhận “thể chế” như là những nguyên tắc, luật lệ theo ý nghĩa rất rộng, bao gồm cả những luật thành văn và cả văn hoá đã được Douglass North sử dụng mà theo một định nghĩa có chiều sâu hơn, được lấy từ cuốn “Trật tự chính trị trong các xã hội biến động” (*Political Order in Changing Societies*) của Samuel P. Huntington (1968), trong đó, “thể chế” là “những sự lặp đi lặp lại, ổn định và có giá trị của hành vi ứng xử”. Những hành vi này có thể ít nhiều phức tạp, có thể thích ứng được, có thể độc lập và cũng có thể nhất quán.

Nếu chúng ta thắc mắc Trung Quốc thể chế hoá tốt đến mức độ nào, thì câu trả lời - xét từ nhiều khía cạnh đi nữa - đều là “rất tốt”, khi so sánh với hầu hết các chế độ độc tài khác. Đảng Cộng sản Trung Quốc đã phát triển thành một tổ chức vô cùng phức tạp, có khả năng thích ứng cao, hoạt động độc lập và rất nhất quán. Một tổ chức được điều hành bởi lực lượng nòng cốt gồm các cán bộ ưu tú, và có khả năng huy động các thành viên trong xã hội vô cùng to lớn. Huntington đã từng bị chỉ trích khá nhiều bởi lý luận ông đưa ra trong “Trật tự Chính trị” rằng, nhà nước Liên Xô cũ đã đạt tới mức cao về phát triển chính trị, nhất là vì sự sụp đổ của Chủ nghĩa Cộng sản năm 1989. Huntington đã hoàn toàn sai lầm khi nói rằng Đảng Cộng sản chỉ là một công cụ để khơi gợi sự tham gia vào hoạt động chính trị. Nhưng riêng quan điểm của ông về việc Đảng Cộng sản đại diện cho một tổ chức được thể chế hoá cao là hoàn toàn đúng đắn.

Điều tương tự cũng có thể nói về Đảng Cộng sản Trung Quốc. Khi so sánh với các chế độ độc tài Ả Rập (hiện không còn tồn tại) của Tổng thống Mubarak ở Ai Cập, của Tổng thống Ben Ali ở Tunisia và Tổng thống Gaddafi ở Libya, thì chế độ của Trung Quốc có những luật lệ chặt chẽ, nghiêm khắc hơn rất nhiều. Nhà lãnh đạo không hề chuyển vị trí của mình cho một cá nhân nào hay cho thành viên nào trong gia đình mình; kể từ năm 1978, Đảng đã phát triển một hệ thống lãnh đạo tập thể giới hạn theo nhiệm kỳ và quyền lực được trao cho Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị. Vấn đề “cha truyền con nối”, một trong số những yếu điểm lớn của các chế độ độc tài, vì thế mà không còn

là vấn đề to tát ở Trung Quốc nữa. Dẫu còn có điểm không minh bạch, nhưng về quy trình đã khá rõ ràng. Giống như những Đảng theo chủ nghĩa Lenin cổ điển, Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng có một cấu trúc cán bộ ưu tú có khả năng truyền dẫn các chỉ thị theo đúng thứ bậc từ cao xuống thấp. Khả năng thực thi các nguyên tắc, từ các chỉ thị kinh tế tới kiểm soát các phe chính trị đối lập, đều mạnh hơn rất nhiều so với các chế độ độc tài khác.

Vấn đề lớn nhất của Đảng trong việc “thể chế hoá” là “sự thích ứng”. Chắc chắn sự chuyển đổi từ một Đảng Cộng sản giáo điều sang thành một Đảng Cộng sản bao gồm cả các doanh nhân, các trí thức (theo thuyết Ba đại diện của cựu chủ tịch Giang Trạch Dân) và thúc đẩy nền kinh tế tư bản chủ nghĩa là một mô hình tiêu biểu của sự thích ứng. Nhưng cũng còn những hạn chế rõ ràng chống lại khả năng của Đảng Cộng sản Trung Quốc để vứt bỏ ý thức hệ Marx – Lenin. Thật vậy, phản ứng khủng hoảng với “Mùa xuân Ả Rập” gợi ra sự thất bại khi muông tượng về một hình thức độc tài tự do hơn.

Tuyển dụng (Recruitment). Một trong những điều khó khăn nhất phải đánh giá là mức độ bao che dõ dàu và tham nhũng tồn tại trong hệ thống quản lý và chính trị Trung Quốc. Đất nước này có nhiều tiếng xấu liên quan tới việc tham nhũng. Trung Quốc đứng thứ 78 trong 178 quốc gia có mặt trong Bảng xếp hạng chỉ số Tham nhũng năm 2010 của tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International 2010) – gần với Hy Lạp, Vanuatu, và Colombia⁹. Tuy vậy, nếu chỉ riêng chỉ số này thôi sẽ không đủ để làm sáng tỏ bản chất cũng

như mức độ tham nhũng trong hệ thống Trung Quốc. Từ “guanxi” có nghĩa là “tác động không chính thức”, hay “tác động ngầm”, và rõ ràng tồn tại sự chia bè kết phái cũng như những đường dây bảo trợ đỡ đầu cho nhau trong toàn tổ chức Đảng Cộng sản Trung Quốc. Vô số những câu chuyện xuất hiện trên báo chí Trung Quốc hay trên những trang tiểu blog^(*) về các thương vụ tham nhũng liên quan tới các quan chức địa phương, chủ công trình và nhiều quan chức cấp cao khác. Cứ định kỳ sẽ có một vụ bê bối nghiêm trọng nổ ra, chẳng hạn như vụ sữa bột trẻ em nhiễm melamine vào năm 2008 hay công trình xây dựng kém chất lượng bị phanh phui qua trận động đất Tứ Xuyên cùng năm đó. Việc chọn lựa các lãnh đạo chính trị, bao gồm cả quá trình chuyển đổi năm 2012, là một quá trình hoàn toàn thiếu minh bạch.

Mặt khác, khi so sánh với các chế độ chính trị tân thân hữu (neopatrimonial politics) của nhiều nước đang phát triển khác, hệ thống của Trung Quốc vẫn hiện đại và khách quan hơn nhiều. Nổi tiếp truyền thống xa xưa, hệ thống này có những đặc trưng và yêu cầu cao trong quá trình tuyển chọn nhân tài vào các vị trí, bắt đầu từ việc tuyển dụng vào Đảng và bộ máy quan chức nhà nước, cũng như đề bạt trong những hệ thống này. Trong khi việc tác động ngầm có thể là cần thiết để hé mở cánh cửa cơ hội, nhưng ứng viên chỉ có thể bước qua những cánh cửa này dựa vào hồ sơ lý lịch của mình. Đa phần các câu chuyện về tham nhũng nghiêm trọng

đến từ các lãnh đạo cấp thấp của Đảng và Chính phủ. Mặc dù các cán bộ cấp cao của Đảng Cộng sản Trung Quốc được hưởng những đặc quyền rất lớn cho bản thân họ và gia đình, người ta không có cái cảm giác họ đang chuyển một số tiền lớn vào tài khoản cá nhân của mình xét theo quy mô những con số của các nhà chính trị Nga. Quá trình rà soát không chính thức hồ sơ lý lịch của các thành viên mới trong Ủy ban Thường vụ Bộ chính trị là rất triệt để; sẽ rất khó để được cất nhắc nếu thành viên này không có kinh nghiệm quản lý hành chính sâu rộng trên một loạt các tỉnh thành và các ngành kinh tế.

Một lần nữa, câu hỏi đặt ra cho tương lai, như giáo sư Bùi Mẫn Hân¹⁰ (Minxin Pei) gợi ý, đó là liệu có phải hệ thống này đang dần sụp đổ? Thập niên đầu thế kỷ XXI đã chứng kiến sự nổi lên của tầng lớp “vua con”, những người có nền tảng gia đình và các cơ hội “buộc” họ trở thành người nắm giữ quyền lực. Theo những chú ý của Martin Shefter, các Đảng viên những ngày đầu mới nhậm chức thường tham nhũng ở cấp độ khá nhỏ, bởi họ còn phải đấu tranh vì quyền lực và tiềm lực họ đang nắm giữ cũng chưa đủ mạnh¹¹. Nhưng một khi quyền lực được đảm bảo, họ sẽ dần tiến tới trở thành các cán bộ cấp cao có dấu hiệu “tái thân tộc hoá” (repatrimonialization) và “tự tồn tại mãi mãi” (self-perpetuation). Tất nhiên, ta khó có thể đo được mức độ của những dấu hiệu này ở xã hội đương thời Trung Quốc.

Mức độ đáp ứng (Responsiveness).

Hầu như không có một hệ thống giải trình trách nhiệm chính thức từ trên xuống trong bộ máy chính trị Trung

(*) Tiểu blog - microblog - là những trang web có khả năng cập nhật rất nhanh vì số lượng kí tự thường bị giới hạn - ND.

Quốc. Các cuộc bầu cử cấp địa phương có giới hạn nhất định, và giống như các quốc gia châu Á khác, công dân Trung Quốc có quyền kiện các cơ quan chính quyền địa phương nếu họ hoạt động yếu kém. Nhưng đa phần các nhà quan sát đều cho rằng những cơ quan này không hề trao bất cứ quyền lực nào cho nhân dân để thay đổi hành vi của chính phủ. Các cơ quan báo chí ngôn luận, ở các quốc gia dân chủ có vai trò phê bình và giám sát quyền lực của nhà nước, thì ở đây lại bị kiểm soát một cách chặt chẽ.

Hệ thống giải trình trách nhiệm chính thức trong bộ máy Trung Quốc hoàn toàn theo thứ tự từ dưới lên, nghĩa là cấp dưới giải trình trách nhiệm với Đảng và các cơ quan phán quyết cao hơn của Đảng. Về mặt này, chính phủ Trung Quốc hiện thời đã tái tạo lại cấu trúc và khôi phục lại các vấn đề của chính phủ tập trung từ thời các triều đại xưa. Bởi trách nhiệm giải trình đi theo mạch từ dưới lên trên, xuyên suốt một bộ máy quan lại khổng lồ, nên vấn đề trung tâm với các đơn vị cấp cao của chính phủ là làm thế nào để kiểm tra và giám sát hành vi của các cấp dưới - vấn đề ông chủ và người đại diện (hay ủy thác và nhậm thác) kinh điển (principal – agent problem). Trong các triều đại Trung Hoa trước đây, có một khuynh hướng là sắp xếp các cấp kiểm soát phân cấp, cấp này chồng lên cấp kia. Có nghĩa là bộ máy quan lại trung ương ở Lạc Dương, Trường An hay Bắc Kinh sẽ giám sát một vài bộ máy quan lại cấp tỉnh thành; các quan thái giám sẽ giám sát các quan lại cấp trung ương; và một ban cải chính thái giám sẽ giám sát hoạt động của các thái giám¹². Điều này không có gì khác biệt với tình trạng

hiện tại của một Đảng chỉ đứng từ trên và kiểm tra giám sát một hệ thống quan chức chính phủ ở dưới.

Đảng sử dụng rất nhiều kỹ năng, cả cổ điển và mới mẻ, để thực thi trách nhiệm giải trình ở các ban ngành cấp thấp. Chính quyền địa phương được xếp hạng dựa vào hiệu quả hoạt động kinh tế, các quan chức địa phương đấu tranh lẫn nhau cho các nguồn lực và cho sự thăng quan tiến chức. Trong khi tham nhũng phổ biến ở các cấp quản lý hành chính thấp hơn, có những lần ranh ngấm mà các quan chức không được phép bước qua; nếu họ làm vậy, họ có thể phải đối mặt với trách nhiệm giải trình gồm cả xét xử sơ khai và tịch thu tài sản.

Vấn đề cơ bản của bất cứ hệ thống phân cấp tập trung nào đều nằm ở “thông tin”. Ngay cả khi không thừa nhận các nguyên tắc của giải trình trách nhiệm dân chủ, các chính phủ độc tài vẫn sẽ hoạt động hiệu quả hơn nếu họ biết rõ hơn về những gì đang thực sự diễn ra ở các cấp cơ sở. Xét tới vấn đề “ủy thác và nhậm thác”, vẫn có cách nào đó để giám sát hành vi của người nhậm thác mà không cần phụ thuộc vào bản báo cáo của người nhậm thác. Điều này giải thích cho một vài hiện tượng trong xã hội Trung Quốc đương đại – sử dụng rộng rãi biện pháp bỏ phiếu vào cơ quan quản lý hành chính của chính phủ và cho phép một cách hạn chế việc nhận xét và phê bình hoạt động của chính phủ trên mạng trực tuyến.

Sự giám sát và kiểm soát Internet của chính phủ Trung Quốc có thể coi là một kỳ tích và, với hệ thống khoảng 50 nghìn nhân viên kiểm duyệt, có thể

kiểm soát rộng hơn bất cứ các quốc gia độc tài nào khác. Đúng như tiếng tăm của nó, khi những bàn luận trên các tiểu blog và các trang Internet phát tán rộng rãi và chuyển thành những bài phê bình chỉ trích hoạt động của chính phủ, chúng sẽ bị gỡ bỏ. Những cửa sổ hiển thị trong vài giờ đồng hồ, nơi mà các ý kiến nhận xét đưa ra, cho phép chính phủ không chỉ đón nhận các chỉ trích mà còn lắng nghe người dân nói gì. Có tin cho rằng Chủ tịch Hồ Cẩm Đào thường xuyên nhận báo cáo về ý kiến của công chúng bày tỏ trên các diễn đàn Internet và trang mạng xã hội Sina Weibo (trang tiểu blog tương tự như Twitter).

Thông qua loại hình cơ chế này, Đảng không chỉ định hình được ý kiến của công chúng, mà còn tìm cách quản lý, thống trị nó đủ để ứng phó những áp lực từ phía nhân dân trước khi chúng bùng nổ thành các hành vi bạo lực phản đối xã hội. Người ta có thể coi nó là hành vi không đẹp, và nói rằng chính phủ để cho người dân xả bức xúc vừa đủ để vẫn có thể bảo vệ quyền lực và đặc quyền riêng của mình; hoặc cho đó là hình thức bắt buộc dân chủ qua đó nhà cầm quyền có thể ứng phó với ý kiến của công chúng.

Trong một ý nghĩa nào đó, thì quản trị chế độ độc tài Trung Quốc được kết cấu giống với hệ thống quản trị công ty của một doanh nghiệp phương Tây hiện đại. Ở cả hai trường hợp, trách nhiệm giải trình đều chỉ đi theo hướng từ cấp dưới lên, tới các cấp cao hơn của Đảng trong trường hợp của Trung Quốc và tới các cổ đông hay hội đồng quản trị trong các công ty. Không một tổ chức nào thực hiện trách nhiệm giải trình theo hướng từ cấp trên xuống một cách chính thức,

dù là tới công dân, tới cán bộ công nhân viên hay tới khách hàng. Tuy nhiên, nếu ban lãnh đạo thất bại trong việc chú ý đến nguyện vọng của các bên liên quan, thì sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Trong quá trình xem xét các đặc điểm của nhà nước Trung Quốc, tôi không cho rằng trách nhiệm giải trình của chính phủ Trung Quốc có bất cứ điểm nào có thể so sánh được các chính phủ dân chủ. Đảng biện hộ rằng Đảng có quyền hạn ngầm để điều hành Trung Quốc như bây giờ đang làm, và có những số liệu bỏ phiếu chỉ ra rằng rất nhiều người Trung Quốc tin vào việc Chính phủ đang hành động vì lợi ích tốt nhất của họ¹³. Nhưng làm sao chúng ta có thể kiểm chứng điều đó là đúng khi thiếu đi một hệ thống giải trình trách nhiệm chính thức và thiếu tự do ngôn luận?

Một hệ thống giải trình trách nhiệm dân chủ thực tế là niềm mơ ước, hơn thế, nó không chỉ là một công cụ để đạt được tăng trưởng kinh tế mà còn là mục đích của chính tăng trưởng kinh tế. Quyền hạn và giá trị của những người dân thường Trung Quốc bị chính phủ phớt lờ hoặc bị phủ nhận hằng ngày, cội nguồn của những giận dữ tạo thành cơ sở cho hàng loạt cuộc biểu tình vũ trang nổ ra mỗi năm.

Tuy nhiên, khả năng của chính phủ Trung Quốc trong việc đáp ứng nguyện vọng của người dân – cụ thể là an ninh, việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống – rõ ràng tốt hơn nhiều so với hầu hết các chế độ độc tài khác. Nếu chúng ta không hiểu được điều này, chúng ta sẽ không hiểu những thách thức mà Trung Quốc đặt ra cho việc thực hiện

dân chủ trong khu vực và những khu vực khác.

Dân chủ và tương lai của các Nhà nước ở Đông Á

Một vài quốc gia ở khu vực Đông Á đã kế thừa hình thức nhà nước tập trung theo phong cách Trung Quốc, một hình thức được coi là cốt lõi cho sự thành công kinh tế của họ. Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan đều có những nhà nước phát triển có thẩm quyền cao, theo đuổi những chính sách công nghiệp đầy tham vọng trong suốt giai đoạn tăng trưởng của họ, và về sau chỉ bổ sung pháp quyền và các cơ quan dân chủ để phục vụ cho mục đích giám sát việc thực thi quyền lực. Thay vì đặt những câu hỏi phổ biến kiểu những cơ quan dân chủ này hoạt động như thế nào, chúng ta cần tìm hiểu xem sự tồn tại hay vắng mặt của pháp quyền và các cơ quan dân chủ này sẽ tác động đến hoạt động của Nhà nước ở Đông Á ra sao. Tôi tin rằng đây là một câu hỏi chính đáng, bởi nền dân chủ sẽ được đánh giá trong phạm vi rộng về tầm ảnh hưởng của nó đến hoạt động kinh tế và các kết quả khác của hành vi nhà nước.

Pháp quyền và trách nhiệm giải trình dân chủ là điểm quan trọng trong hoạt động của một nhà nước có chất lượng tốt. Nếu các chính phủ không có luật lệ, nguyên tắc ràng buộc và không thể đoán trước được, hay nếu họ không bảo vệ được quyền sở hữu, thì tất cả những điều này sẽ tạo thành rào cản lớn cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế. Và nếu họ không thực hiện trách nhiệm một cách dân chủ, sẽ không có cách nào để loại bỏ một nhà lãnh đạo yếu kém hay cho họ biết những phản hồi về hoạt động của họ. Động thái gần đây của

chính phủ Trung Quốc từ chối không cho phép công khai thảo luận các nguyên nhân của vụ tai nạn tàu cao tốc xảy ra hồi tháng 7/2011 đã báo trước một tương lai không mấy sán lạn cho sự an toàn đường sắt ở nước này.

Tuy nhiên có khả năng sẽ có quá nhiều kiểm tra và cân bằng trong hệ thống dân chủ, đến mức chi phí của việc ra quyết định trở nên quá cao và quá trình vì thế mà phải ngừng lại. Một ví dụ điển hình là sự bất lực của chính phủ Nhật Bản đã được các phương tiện báo chí nhắc tới, là gỡ bỏ lệnh cấm bay đối với các máy bay trực thăng chở vật dụng nhu yếu phẩm cần thiết trong suốt giai đoạn khủng hoảng nhà máy năng lượng hạt nhân Fukushima Daiichi gần đây. Rõ ràng vấn đề trở nên nghiêm trọng hơn khi có sự riêng rẽ trong quyền lực mà Gary Cox và Mathew McCubbins gọi là “tách biệt trong mục đích” – đó chính là những bất đồng trong các vấn đề về chính sách giữa các cử tri¹⁴. Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan đều phải gánh chịu cái gọi là “khủng hoảng của việc gia tăng sự tách biệt trong mục đích” trong nhiều năm qua, bởi chính trị dân chủ ngày càng trở nên phân cực xung quanh các bên chú trọng hơn vào việc đạt được “lợi thế chiến thuật” (tactical advantage) hơn là đưa ra những quyết định khó khăn về các vấn đề trong nước. Điều này đã dẫn tới sự ứ trệ trong các vấn đề quan trọng, chẳng hạn như cải cách kinh tế ở Nhật Bản hay vấn đề quốc phòng ở Đài Loan.

Một câu hỏi thực nghiệm mà tôi chưa từng thấy được giải quyết một cách có hệ thống, đó là tác động của dân chủ lên chất lượng của bộ máy quan liêu của khu vực Đông Á. Tôi đã lưu ý trước

đây rằng các nền dân chủ ở Đông Á đã được xây dựng xoay quanh những nhà nước mạnh mẽ và những nhân tố xã hội tổ chức khá yếu kém. Cán cân này đang chuyển dịch rất nhanh. Nhiều nhóm lợi ích quyền lực nổi lên, và có xu hướng nở rộ trong suốt những giai đoạn hoà bình và ổn định lâu dài¹⁵. Một phân tích chung về việc Nhật Bản không có khả năng hoạt động trên nhiều mặt trận – từ tự do hoá thương mại tới hiện đại hoá nông nghiệp – chỉ ra khả năng của những nhóm lợi ích khá nhỏ nhằm ngăn chặn cải cách quan trọng. Một trong những điểm nổi bật của trị lý cổ điển hậu chiến tranh ở châu Á là khả năng trừng phạt của nhà nước với các nhân tố khu vực tư nhân khi cần thiết – hay, theo cách diễn giải của Stephan Haggard và Robert R. Kaufman, khuynh hướng “tìm kiếm đặc lợi” (rent-seeking) và “lũng đoạn nhà nước” (state capture) giảm hơn hẳn so với các khu vực khác¹⁶. Nói chính xác, nó không còn là đặc tính tiêu biểu của các nhà nước dân chủ Đông Á như cách đây 40 năm nữa.

Tất cả các quốc gia trong khu vực, dù là dân chủ hay độc tài, đều sẽ đối mặt với những vấn đề nhất định trong hai thập kỷ tới. Và những vấn đề lớn này sẽ kiểm nghiệm hệ thống chính trị của họ. Sẽ rất đáng để nghiên cứu xem hệ thống độc tài hay hệ thống dân chủ sẽ giải quyết các vấn đề này tốt hơn.

Một vấn đề liên quan đến sự chuyển dịch của mô hình tăng trưởng dựa vào xuất khẩu – mô hình đang được hầu hết các quốc gia trong khu vực vận dụng ở mức độ nhiều ít khác nhau, đối với một hệ thống cân bằng hơn, trong đó xuất khẩu được hỗ trợ bởi nhu cầu nội địa mạnh mẽ. Raghuram Rajan đã chỉ ra

rằng những nỗ lực của Nhật Bản để thực hiện mô hình này là một sự thất bại đáng kể. Mặc dù các nhà lãnh đạo của Nhật Bản đã nhận ra nhu cầu chuyển dịch thành một hệ thống dựa vào nhu cầu nội địa, ít nhất kể từ khi ký kết hiệp định Plaza trên thị trường tiền tệ vào năm 1985, nhưng lại có tương đối ít tiến triển trong việc gia tăng mức độ tiêu dùng hay giảm thiểu mức chênh lệch năng suất giữa các ngành công nghiệp định hướng xuất khẩu và các ngành khác của nền kinh tế¹⁷. Lý do cho vấn đề này, ít nhất, cũng một phần là do chính trị. Những nỗ lực thúc đẩy nền kinh tế được thực hiện kể từ khi bong bóng tài sản ở Nhật Bản xuất hiện vào đầu những năm 1990 không hề có hiệu quả, đều được nhắm tới các dự án cơ sở hạ tầng theo hướng các nhóm lợi ích – những dự án mà đem lại rất ít cái gọi là mục tiêu tăng năng suất, trong khi lại đẩy Nhật Bản đi theo hướng tài chính không bền vững.

Liệu nhà độc tài Trung Quốc có thể làm tốt hơn? Chính phủ Trung Quốc mới nhận ra sự cần thiết phải thúc đẩy nhu cầu nội địa trong vài năm trở lại đây và đã cam kết dành một khoản đáng kể cho sự phát triển của các khu vực nội địa còn nghèo đói. Chúng ta chưa biết đủ rõ về hiệu quả của những đầu tư này để dự đoán liệu về lâu dài chúng có đạt được những tác động như mong muốn hay không. Rõ ràng là có những nhóm lợi ích tác động đến việc đưa ra quyết định của nhà nước Trung Quốc, nếu không bởi lý do nào khác hơn là việc rất nhiều quan chức Trung Quốc trở nên giàu có nhờ hợp tác với các chủ thầu xây dựng, các nhà công nghiệp và những nhóm tương tự. Liệu hệ thống độc tài của Trung Quốc có

đủ mạnh để củng cố lại những lời xu nịnh về lợi ích của xuất khẩu tài nguyên biển, hay nó đã bị những lợi ích này mua chuộc rồi? Đây quả là một câu hỏi thực nghiệm chưa thể có câu trả lời rõ ràng ở thời điểm này.

Vấn đề quan trọng thứ hai xét về lâu dài liên quan tới sự cần thiết của việc tái thương lượng điều khoản của hợp đồng xã hội bởi tác động của việc giảm tỷ lệ sinh và tăng tuổi thọ của dân chúng. Như chúng ta đều biết, Nhật Bản chính là nước đi đầu trong lĩnh vực này, nhưng tất cả các quốc gia Đông Á – dân chủ hay độc tài – đều sẽ có chung số phận như Nhật Bản trong suốt nửa đầu thế kỷ XXI. Tỷ lệ sinh ở Trung Quốc chưa giảm đáng kể như ở Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc hay Đài Loan, nhưng kể cả khi gỡ bỏ chính sách một con, thì có thể cũng chỉ lùi được 15 năm nữa trước khi bước chân vào quá trình này. Tỷ lệ phụ thuộc ngày càng gia tăng sẽ dẫn tới nhiều quyết định “cay đắng”, bao gồm cả việc đánh thuế cao hơn trong khi số người lao động lại ít đi, cắt giảm lương hưu và những quyền lợi chăm sóc sức khỏe, độ tuổi nghỉ hưu tăng cao hơn và có thể ảnh hưởng tới việc phân bổ các thủ tục y tế.

Dường như đã rõ ràng từ sự gia tăng của các thảm họa tài chính của hầu hết các nền dân chủ phát triển, rằng đây không hề là những quyết định dễ dàng để đưa ra hay có thể thực hiện được tốt. Nhìn bề ngoài, có thể hiển nhiên là hệ thống độc tài sẽ thực hiện những đánh đổi “cay đắng” một cách dễ dàng hơn mà không vấp phải hình thức phản đối nào. Nhưng ở đây, chúng ta nhận ra một trong những lợi thế lớn nhất của hệ thống dân chủ là dựa trên sự ủng hộ

của tầng lớp bị trị. Chính xác thì bởi vì các hệ thống dân chủ có tư vấn và yêu cầu sự đồng thuận của nhiều nhân tố xã hội hơn, vì thế mà các quyết định một khi đi vào thực hiện sẽ nhận được nhiều sự ủng hộ hơn. Như Cox và McCubbins có nói, các nền dân chủ đánh đổi “quyền đưa ra quyết định” (decisiveness) lấy “sự quả quyết thực hiện quyết định” (resoluteness). Ngay cả khi một hệ thống độc tài như Trung Quốc có thể bắt những người dân miễn cưỡng thực hiện những quyết định họ không ủng hộ, thì vẫn có rủi ro sẽ tạo ra một vụ bùng nổ xã hội khi những hy sinh mà họ phải chịu đựng khắc nghiệt như những gì chúng ta đã mừng tưởng ở đây.

CHÚ THÍCH

1. Francis Fukuyama, *The Origins of Political Order: From Prehuman Times to the French Revolution*. New York: Farrar, Straus and Giroux, 2011.
2. Barrington Moore, Jr., *Social Origins of Dictatorship and Democracy: Lord and Peasant in the Making of the Modern World*. Boston: Beacon, 228–313. *Journal of Democracy*, 1966.
3. Xem: Gerald L. Curtis, *The Logic of Japanese Politics: Leaders, Institutions, and the Limits of Change* (New York: Columbia University Press, 1999).
4. Từ quan điểm kinh tế, xem: Torsten Persson and Guido Tabellini, *The Economic Effects of Constitutions* (Cambridge: MIT Press, 2003).
5. Steven Levitsky and Lucan A. Way, “Elections Without Democracy: The

- Rise of Competitive Authoritarianism,” *Journal of Democracy* 13 (April 2002): 51–65; Andreas Schedler, *Electoral Authoritarianism: The Dynamics of Unfree Competition* (Boulder, Colo.: Lynne Rienner, 2006); and Schedler, “Elections Without Democracy: The Menu of Manipulation,” *Journal of Democracy* 13 (April 2002): 36–50.
6. Sự phân biệt này được Carl J. Friedrich and Zbigniew Brzezinski sử dụng đầu tiên trong cuốn *Totalitarian Dictatorship and Autocracy*, 2nd ed. (Cambridge: Harvard University Press, 1965). Juan J. Linz cũng đã nỗ lực để mô tả vấn đề này trong cuốn: *Totalitarian and Authoritarian Regimes* (Boulder, Colo.: Lynne Rienner, 2000).
7. Aristotle, *Politics* III.v.1. Marc Plattner ghi nhận các tiện ích của sự phân loại này trong việc đưa ra sự phân biệt giữa các chế độ độc tài trong bài trình bày với các nghiên cứu sinh tại Đại học Stanford, 2011.
8. Các ví dụ về sự hạn chế của các vị hoàng đế nhà Minh, xin xem: Ray Huang, *1587, A Year of No Significance: The Ming Dynasty in Decline* (New Haven: Yale University Press, 1981).
9. http://transparency.org/policy_research/surveys_indices/cpi/2010/results
10. Minxin Pei, “China and East Asian Democracy: Is CCP Rule Fragile or Resilient?” *Journal of Democracy* 23 (January 2012): 27–41.
11. Martin Shefter, *Political Parties and the State: The American Historical Experience* (Princeton: Princeton University Press, 1993), 30–31.
12. Xem Fukuyama, *Origins of Political Order*, ch. 21.
13. Xem: Tianjian Shi, “China: Democratic Values Supporting an Authoritarian System,” in Yun-han Chu et al., eds., *How East Asians View Democracy* (New York: Columbia University Press, 2008), 209–37.
14. Gary W. Cox and Mathew D. McCubbins, “The Institutional Determinants of Economic Policy Outcomes,” in Stephan Haggard and Mathew D. McCubbins, eds., *Presidents, Parliaments, and Policy: Political Economy of Institutions and Decisions* (Cambridge: Cambridge University Press, 2001), 21–63.
15. Xem: Mancur Olson, *The Rise and Decline of Nations: Economic Growth, Stagflation, and Social Rigidities* (New Haven: Yale University Press, 1982).
16. Xem ví dụ, Stephan Haggard and Robert R. Kaufman, *The Politics of Economic Adjustment: International Constraints, Distributive Conflicts and the State* (Princeton: Princeton University Press, 1992).
17. Raghuram G. Rajan, *Fault Lines: How Hidden Fractures Still Threaten the World Economy* (Princeton: Princeton University Press, 2010).